

Số: ~~3463~~/QĐ-UBND

Vĩnh Linh, ngày 17 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia
phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội khóa XIV về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 – 2030;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 31 tháng 5 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 1702/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương 5 năm giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Căn cứ Quyết định số 1706/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 2163/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;

Theo đề nghị của phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Vĩnh Linh tại Tờ trình số 1315a/TTr-TCKH ngày 17/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Giao phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các phòng, ban ngành và các xã có liên quan tổ chức thực hiện theo đúng Kế hoạch đã được UBND huyện phê duyệt. Định kỳ báo cáo Ban Dân tộc, UBND huyện về tình hình và kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch UBND các xã được phân công nhiệm vụ trong Kế hoạch chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Các Sở: KH&ĐT, Tài chính;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMT, các đoàn thể huyện;
- Phòng, ban ngành thuộc huyện;
- UBND các xã: Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà;
- Lưu: VT, TCKH. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Thái Văn Thành

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 3463/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND huyện Vĩnh Linh)

I. CƠ SỞ BAN HÀNH KẾ HOẠCH

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội khóa XIV về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 – 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội khóa XIV về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH 15 ngày 22/5/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân bổ NSTW giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia.

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán NSTW năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài chính về Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc về Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 31 tháng 5 năm 2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 1702/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương 5 năm giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Căn cứ Quyết định số 1706/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 2163/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;

Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Linh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (viết tắt là Chương trình), với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Khai thác tiềm năng, lợi thế của huyện, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTD&MN) so với bình quân chung của tỉnh; quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số (DTTS); giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các DTTS đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; hiện đại hóa công tác quản lý theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước. Phấn đấu đến năm 2025 giảm 50% số xã, thôn bản đặc biệt khó khăn; đến năm 2030 cơ bản không còn xã, thôn bản đặc biệt khó khăn.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Phấn đấu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng từ 1,5 - 1,6 lần so với năm 2020.
- Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số xã Vĩnh Ô, Vĩnh Khê giảm bình quân hàng năm từ 5 - 7%.
- Phấn đấu giảm 50% số xã, thôn bản thuộc diện đặc biệt khó khăn; không còn xã đạt dưới 13 tiêu chí nông thôn mới, có 40% thôn bản vùng dân tộc thiểu số và miền núi đạt tiêu chuẩn nông thôn mới.
- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; trên 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa; 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 100% số thôn, bản được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; trên 90% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.
- Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư; sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào.
- Tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số 5 tuổi đến trường trên 98%, học sinh trong độ tuổi tiểu học trên 98,5%, học sinh trung học cơ sở 96,5%, 65% số người trong độ tuổi đạt trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương, người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%.

- Tăng cường công tác y tế để đồng bào DTTS được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; từng bước chủ động khống chế dịch bệnh ở vùng đồng bào DTTS và miền núi; phấn đấu 100% đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế. Trên 80% phụ nữ có thai được khám định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi xuống dưới 15%; Hạn chế tối đa tình trạng tảo hôn và không có tình trạng hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện người dân tộc thiểu số.

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 100% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

- Đào tạo, quy hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số; Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với điều kiện thực tế ở từng địa phương.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện

Chương trình thực hiện ở địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN của huyện Vĩnh Linh. Trong đó, ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho các địa bàn đặc biệt khó khăn (xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn: xã Vĩnh Ô; xã Vĩnh Khê; thôn Khe Hó Trù, thôn Bãi Hà Mới xã Vĩnh Hà).

2. Đối tượng thực hiện Kế hoạch

- Xã, thôn, bản vùng đồng bào DTTS&MN;
- Hộ gia đình, cá nhân người DTTS;
- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;
- Doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội hoạt động ở địa bàn các xã, thôn vùng đặc biệt khó khăn.

3. Thời gian thực hiện

Từ năm 2022 đến hết năm 2025.

III. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 của huyện Vĩnh Linh là **65.476,367 triệu đồng**, năm 2022 là **19.466,011 triệu đồng**, cụ thể:

- Vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương: giai đoạn 2021-2025 là **51.245 triệu đồng**, năm 2022 là **10.604 triệu đồng** (được giao theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1702/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh).

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo)

- Vốn đầu tư phát triển ngân sách huyện đối ứng đã được bố trí tại Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 22/9/2021, số 116/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 (điều chỉnh tại NQ số 249/NQ-HĐND ngày 8/6/2022), số 250/NQ-HĐND ngày 08/6/2022 của HĐND huyện cho các công trình, dự án phù hợp với đối tượng, phạm vi, mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình giai đoạn 2021-2025 và năm 2022: **8.255 triệu đồng**.

(Chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo)

- Vốn dân đóng góp giai đoạn 2021-2025 là **5.976,367 triệu đồng**, năm 2022 là **607,011 triệu đồng**

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo)

2. Tổng nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 là 2.525 triệu đồng, trong đó:

- Tổng vốn sự nghiệp NSTW: 2.421 triệu đồng, Vốn dân đóng góp: 104 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

- Kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2023-2025: trên cơ sở số vốn tỉnh giao hàng năm, UBND huyện chi tiết nội dung thực hiện sau.

IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Dự án 1. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.

1.1. Mục tiêu:

- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn chưa có đất ở, nhà ở hoặc có nhà ở tạm, dột nát được hỗ trợ đất ở, xây dựng nhà ở đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Phần đầu đạt 90% hộ dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức của địa phương được giải quyết tình trạng thiếu đất sản xuất hoặc hỗ trợ chuyển đổi nghề.

- Góp phần đạt 90% hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh theo tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Tăng cường tạo việc làm, hỗ trợ chuyển đổi nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số và địa bàn sinh sống.

1.2. Đối tượng: Hộ dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa có đất ở; chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng; làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp nhưng không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định của địa phương; có khó khăn về nước sinh hoạt. Ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số thuộc danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn; hộ nghèo có phụ nữ là chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động.

1.3. Nội dung thực hiện

- Hỗ trợ nhà ở;
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề.
- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán.
- Hỗ trợ xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung.

1.4. Vốn và cơ cấu nguồn vốn:

- Kinh phí thực hiện vốn ĐTPT giai đoạn 2021-2025: 12.241,171 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 8.702 triệu đồng; Vốn đóng góp: 3.539,171 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện vốn ĐTPT năm 2022: 2.697,485 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 2.516 triệu đồng; Vốn đóng góp: 181,485 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo)

- Kinh phí thực hiện vốn sự nghiệp năm 2022: 341 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 341 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

- Kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2023-2025: trên cơ sở số vốn tỉnh giao hàng năm, UBND huyện chi tiết nội dung thực hiện sau.

1.5. Phân công nhiệm vụ

- Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện Nội dung số 1: hỗ trợ đất ở thuộc Dự án 1; kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả và tổng hợp báo cáo theo quy định.

- Phòng Kinh tế & Hạ tầng chủ trì phối hợp với Phòng Lao động Thương binh & Xã hội, các đơn vị liên quan hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện Nội dung số 2: hỗ trợ nhà ở thuộc Dự án 1; kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả và tổng hợp báo cáo theo quy định.

- Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện Nội dung số 03: hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề và nội dung số 04: hỗ trợ nước sinh hoạt thuộc Dự án 1; kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả và tổng hợp báo cáo theo quy định.

- Các đơn vị liên quan và UBND các xã thuộc Chương trình tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện định kỳ, đột xuất của Dự án trên địa bàn về Phòng Tài chính – Kế hoạch, Văn phòng HĐND&UBND để tổng hợp theo quy định.

2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết:

2.1 Mục tiêu: Nhằm ổn định và nâng cao đời sống của người dân, hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, du canh, du cư, di cư tự do; giải quyết sinh kế, tăng thu nhập, góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường và củng cố an ninh, quốc phòng.

2.2. Đối tượng: Hộ gia đình được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số còn du canh, du cư.
- Hộ gia đình cá nhân di cư tự do đến địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.
- Hộ gia đình, cá nhân sống ở địa bàn đặc biệt khó khăn, nơi thường xuyên xảy ra thiên tai hoặc có nguy cơ xảy ra thiên tai cần phải bố trí, sắp xếp ổn định dân cư.

- Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện di chuyển đến sinh sống ở các xã biên giới, các điểm bố trí dân cư tập trung hoặc được bố trí đến sinh sống ổn định ở các xã biên giới, các điểm bố trí dân cư theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước.

- Xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2.3. Nội dung thực hiện: Thực hiện các dự án sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân tại những nơi cần thiết, hỗ trợ ổn định dân cư:

- Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại thôn Mít, xã Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh.

2.4. Vốn và cơ cấu nguồn vốn:

- Kinh phí thực hiện vốn ĐTPT giai đoạn 2021-2025: 9.453.685 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 8.981 triệu đồng; Vốn đóng góp: 472,685 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện vốn ĐTPT năm 2022: 1.701,053 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 1.616 triệu đồng; Vốn đóng góp: 85,053 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo)

- Kinh phí thực hiện vốn sự nghiệp năm 2022: 92 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 92 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

- Kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2023-2025: trên cơ sở số vốn tỉnh giao hàng năm, UBND huyện chi tiết nội dung thực hiện sau.

2.5. Phân công nhiệm vụ:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì, phối hợp với phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng NN&PTNT, phòng Lao động Thương binh và xã hội và các đơn vị có liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, hộ dân tộc thiểu số còn du canh, du cư, dân di cư tự do và những nơi cần thiết.

- UBND các xã thuộc Chương trình tổ chức triển khai thực hiện dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, hộ dân tộc thiểu số còn du canh, du cư, dân di cư tự do và những nơi cần thiết trên địa bàn; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện định kỳ, đột xuất của dự án trên địa bàn về phòng Tài chính – Kế hoạch, Văn phòng HĐND&UBND để tổng hợp theo quy định.

3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

3.1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

a) Mục tiêu: Tạo việc làm, thu nhập cho người dân làm nghề rừng; hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, đặc biệt là phát triển kinh tế dưới tán rừng gắn với bảo vệ rừng bền vững tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, góp phần duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

b) Đối tượng:

+ Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, có thực hiện một trong các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng sau: Bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên; trồng rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất quy hoạch phát triển rừng được Nhà nước giao đất; nhận khoán bảo vệ rừng;

+ Cộng đồng dân cư thôn thuộc các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được giao rừng theo quy định của pháp luật đang thực hiện bảo vệ rừng được giao hoặc rừng nhận khoán.

c) Nội dung thực hiện

- Hỗ trợ khoán bảo vệ từ năm 2021 đến năm 2025.
- Hỗ trợ bảo vệ rừng thực hiện từ năm 2022 đến năm 2025.

d) Vốn và cơ cấu nguồn vốn:

- Kinh phí thực hiện vốn sự nghiệp năm 2022: 22 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 22 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

- Kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2023-2025: trên cơ sở số vốn tỉnh giao hàng năm, UBND huyện chi tiết nội dung thực hiện sau.

e) Phân công nhiệm vụ:

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã thuộc Chương trình tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

3.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a1) Nội dung số 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

* **Mục tiêu:** Hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị phù hợp với từng vùng, miền; khai thác tiềm năng lợi thế theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho hộ dân, giảm nghèo bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

* **Đối tượng:**

+ Các hộ nghèo, cận nghèo. Ưu tiên hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động; hộ sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.

+ Các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), HTX tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.

* **Địa bàn:** Các xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nội dung:

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị do các tổ chức kinh tế (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, ...) và người dân trong vùng cùng tham gia thực hiện.

+ Hỗ trợ mô hình phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế đối với các địa phương không có điều kiện thực hiện phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.

*** Phân công thực hiện:**

Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã thuộc Chương trình tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

b) Vốn và cơ cấu nguồn vốn thực hiện Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

- Kinh phí thực hiện vốn sự nghiệp năm 2022: 499 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 395 triệu đồng, Vốn Dân đóng góp 104 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

- Kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2023-2025: trên cơ sở số vốn tỉnh giao hàng năm, UBND huyện chi tiết nội dung thực hiện sau.

4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

4.1. Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

a) Mục tiêu: Tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã đặc biệt khó khăn, các thôn đặc biệt khó khăn; đầu tư đường đến trung tâm xã và cứng hóa đường đến trung tâm xã, liên xã, cụ thể: 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa. 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

b) Phạm vi: Các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Nội dung thực hiện

- Đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các loại công trình như: công trình đường đi khu sản xuất; công trình cầu treo; công trình nước sinh hoạt tập trung phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; trạm y tế, công trình đường dây trung thế, trạm biến áp và đường dây hạ thế để cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn; trạm chuyển tiếp phát thanh xã; nhà sinh hoạt cộng đồng thôn bản; công trình khu thể thao; công trình nhà, lớp và các hạng mục phụ trợ cho trường học các cấp; công trình kênh mương thủy lợi để từng bước đáp ứng nhu cầu tưới tiêu phục vụ sản xuất; các công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác...

- Đầu tư cứng hóa các công trình đường giao thông đến trung tâm xã chưa được kiên cố hóa, đường liên xã.

- Duy tu, bảo dưỡng khoảng các công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn; công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư từ Chương trình 135 giai đoạn 2016 - 2020.

d) Vốn và cơ cấu nguồn vốn:

- Kinh phí thực hiện vốn ĐTPT giai đoạn 2021-2025: 25.719,563 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 24.200 triệu đồng; Vốn đóng góp: 1.519,563 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện vốn ĐTPT năm 2022: 4.616,368 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 4.356 triệu đồng; Vốn đóng góp: 260,368 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo)

- Kinh phí thực hiện vốn sự nghiệp năm 2022: 258 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 258 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

- Kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2023-2025: trên cơ sở số vốn tình giao hàng năm, UBND huyện chi tiết nội dung thực hiện sau.

e) Phân công thực hiện

Phòng Kinh tế - Hạ tầng là cơ quan chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn UBND các xã thuộc Chương trình rà soát, tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

5.1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông dân tộc có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Mục tiêu: Củng cố và phát triển hợp lý hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú; đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất cho các trường chưa đạt chuẩn quốc gia để đảm bảo tốt việc tổ chức dạy - học (bao gồm cả các hoạt động dạy và học trực tuyến), nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh bán trú, nội trú. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác xóa mù chữ, tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ.

b) Đối tượng:

+ Hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh đang trực tiếp quản lý, giảng dạy và học tập tại các nhà trường. Ưu tiên đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, đặc biệt là cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số trong giảng dạy và học tập cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và vùng khó khăn, biên giới; các trường chưa có cơ sở vật chất hoặc có nhưng còn phải thuê, mượn hoặc xuống cấp;

+ Cán bộ quản lý, giáo viên, người tham gia thực hiện công tác xóa mù chữ (già làng, trưởng bản, bộ đội biên phòng, các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm và các đối tượng khác) ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ưu tiên đầu tư cho các địa phương thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới.

c) Nội dung thực hiện

- Đầu tư mới, nâng cấp phòng học thông thường và phòng học bộ môn, phòng hiệu bộ, nhà ăn, bếp ăn, thư viện, công, hàng rào, nhà vệ sinh, lát gạch sân, nhà kho, nhà để xe...

- Hỗ trợ trang thiết bị cho các Trường PTDT bán trú.

d) Vốn và cơ cấu nguồn vốn:

- Kinh phí thực hiện vốn ĐTPT giai đoạn 2021-2025: 8.898,948 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 8.454 triệu đồng; Vốn đóng góp: 444,948 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện vốn ĐTPT năm 2022: 1.602,105 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 1.522 triệu đồng; Vốn đóng góp: 80,105 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo)

- Kinh phí thực hiện vốn sự nghiệp năm 2022: 98 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 98 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

- Kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2023-2025: trên cơ sở số vốn tỉnh giao hàng năm, UBND huyện chi tiết nội dung thực hiện sau.

e) Phân công thực hiện:

Phòng Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chủ trì, phối hợp với phòng Tài chính – Kế hoạch, Kinh tế & Hạ tầng, NN&PTNT, các cơ quan liên quan và UBND các xã thuộc Chương trình triển khai tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 5; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

5.2. Tiểu dự án 3: Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng dân tộc thiểu số và miền núi

a) Mục tiêu:

+ Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Hỗ trợ lao động là người dân tộc thiểu số tiếp cận thuận lợi với thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm; hỗ trợ thanh niên dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tìm kiếm được việc làm phù hợp với khả năng, nguyện vọng.

b) Đối tượng:

+ Người lao động là người dân tộc thiểu số, người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ quan quản lý về giáo dục nghề nghiệp các cấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Các trung tâm dịch vụ việc làm, cơ sở giới thiệu việc làm có hoạt động liên quan đến người lao động là người dân tộc thiểu số và người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Các doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đi làm việc ở nước ngoài; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đi làm việc ở nước ngoài.

c) Nội dung thực hiện

+ Hỗ trợ đào tạo nghề;

+ Hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài.

d) Vốn và cơ cấu nguồn vốn:

- Kinh phí thực hiện vốn sự nghiệp năm 2022: 349 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 349 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

- Kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2023-2025: trên cơ sở số vốn tỉnh giao hàng năm, UBND huyện chi tiết nội dung thực hiện sau.

d) Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban ngành liên quan, UBND các xã Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà tổ chức thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 5; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

5.3. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

a) Mục tiêu: Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện Chương trình (bao gồm: Quy trình triển khai dự án, tiểu dự án của Chương trình; quy trình, kỹ năng làm chủ đầu tư, nghiệp vụ đấu thầu, quản lý tài chính và thanh quyết toán; quy trình lập kế hoạch; kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện), các kỹ năng về phát triển cộng đồng và các nội dung liên quan khác cho cán bộ cơ sở thực hiện Chương trình cấp xã và cấp thôn.

b) Đối tượng:

+ Cộng đồng: Ban giám sát cộng đồng xã, đại diện cộng đồng, người dân, cộng tác viên giảm nghèo, các tổ duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng tại thôn, người có uy tín trong cộng đồng, ưu tiên người dân tộc thiểu số và phụ nữ trong các hoạt động nâng cao năng lực;

+ Cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp: Nâng cao năng lực cán bộ thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc ở các cấp (bao gồm cán bộ thuộc các cơ quan, ban ngành chủ trì và tham gia tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình) và cán bộ các tổ chức đoàn thể, lực lượng cốt cán, người có uy tín trong cộng đồng, các chức sắc, chức việc tôn giáo tham gia vào quá trình triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình.

c) Nội dung thực hiện:

- Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ quản lý, triển khai Chương trình cho cán bộ thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; ưu tiên các nội dung giới thiệu về phương pháp tiếp cận cộng đồng dựa vào nội lực và các mô hình giảm nghèo thành công.

- Tổ chức các lớp cho đối tượng cộng đồng và lớp cho đối tượng là cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp nhằm đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ.

- Hỗ trợ kỹ năng chuyển đổi số, nâng cao khả năng học tập, chia sẻ kinh nghiệm trực tuyến cho cán bộ triển khai các cấp.

d) Vốn và cơ cấu nguồn vốn:

- Kinh phí thực hiện vốn sự nghiệp năm 2022: 60 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 60 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

- Kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2023-2025: trên cơ sở số vốn tỉnh giao hàng năm, UBND huyện chi tiết nội dung thực hiện sau.

e) Phân công thực hiện: Phòng Nội vụ là cơ quan chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan và UBND các xã thuộc Chương trình tổ chức thực hiện Tiểu dự án 4 thuộc Dự án 5 trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

a) Mục tiêu: Khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ văn hóa; hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị văn hóa cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để nâng cao mức thụ hưởng về văn hóa cho đồng bào các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

b) Đối tượng:

- + Các xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;
- + Bản sắc văn hóa, di sản của các dân tộc thiểu số;
- + Đồng bào các dân tộc thiểu số; nghệ nhân người dân tộc thiểu số;
- + Cán bộ, công chức thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc;
- + Văn hóa vật thể, phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số;
- + Lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; thiết chế văn hóa cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;
- + Doanh nghiệp, HTX, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Nội dung thực hiện

- Mua sắm, đầu tư trang thiết bị văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số rất ít người.

- Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS: kiểm kê di sản văn hóa truyền thống, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống.

- Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tại các địa phương, khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch.

- Hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người DTTS trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận.

- Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể.

- Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa phi vật thể các DTTS có nguy cơ mai một.

- Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN, vùng di dân tái định cư.

- Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS và MN.

- Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào DTTS để cấp phát cho cộng đồng các DTTS.

- Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào DTTS; tham gia Ngày hội, giao lưu, liên hoan về các loại hình văn hóa nghệ thuật các truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số theo văn bản của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.

- Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các DTTS

- Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại các vùng đồng bào DTTS&MN kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào DTTS&MN.

- Xây dựng pano cỡ lớn tại điểm du lịch cộng đồng miền núi: Sản xuất các video, clip quảng bá du lịch; tuyên truyền các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số miền núi (Hệ thống pano, áp phích, tờ rơi; tuyên truyền trên hệ thống phát thanh truyền hình và địa phương qua các diễn đàn, hội nghị, hội thảo...

- Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS

- Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào DTTS&MN

- Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN: xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao, hỗ trợ trang thiết bị cho nhà sinh hoạt văn hóa thôn

- Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các DTTS, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch.

d) Vốn và cơ cấu nguồn vốn:

- Kinh phí thực hiện vốn ĐTPT giai đoạn 2021-2025: 525 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 525 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện vốn ĐTPT năm 2022: 525 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 525 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo)

- Kinh phí thực hiện vốn sự nghiệp năm 2022: 182 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 182 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

- Kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2023-2025: trên cơ sở số vốn tỉnh giao hàng năm, UBND huyện chi tiết nội dung thực hiện sau.

e) Phân công thực hiện: Phòng Văn hóa & Thông tin là cơ quan chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan; UBND các xã thuộc Chương trình tổ chức thực hiện Dự án 6 trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

a) Mục tiêu: Nâng cao nhận thức, thay đổi định kiến, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em, thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.

b) Đối tượng: Phụ nữ và trẻ em gái tại các xã và thôn đặc biệt khó khăn, ưu tiên phụ nữ và trẻ em gái là người dân tộc thiểu số trong các hộ nghèo, cận nghèo, nạn nhân bị mua bán, bị bạo lực gia đình, bị xâm hại tình dục, di cư lao động không an toàn/lấy chồng nước ngoài trở về, người khuyết tật.

c) Nội dung thực hiện

Nội dung 1: Tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em

- Xây dựng các tổ/nhóm truyền thông tiên phong thay đổi trong cộng đồng.

+ Hướng dẫn truyền thông, vận hành, quản lý các tổ/nhóm truyền thông và tập huấn triển khai.

+ Thành lập và duy trì bền vững tổ/nhóm truyền thông cộng đồng.

+ Xây dựng mạng lưới truyền thông trên nền tảng số để chia sẻ, kết nối hoạt động của các Tổ truyền thông

- Thực hiện các chiến dịch truyền thông xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới, xây dựng môi trường sống an toàn cho phụ nữ và trẻ em.

+ Xây dựng chương trình truyền thông trên các kênh truyền thông đại chúng.

+ Xây dựng tài liệu/ấn phẩm truyền thông và số hóa tài liệu, mô hình truyền thông dưới dạng video, hình ảnh phù hợp với đối tượng, vùng miền, dân tộc để chia sẻ, lan tỏa qua các kênh thông tin trên nền tảng số.

- Hội thi/liên hoan các mô hình sáng tạo, hiệu quả trong xóa bỏ định kiến giới, bạo lực gia đình, và mua bán phụ nữ và trẻ em.

+ Tổ chức các cuộc thi tìm kiếm sáng kiến, mô hình, giải pháp truyền thông hiệu quả thay đổi “Nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ định kiến giới, bạo lực gia đình, và mua bán phụ nữ và trẻ em.

+ Tư liệu hóa các sáng kiến, mô hình, giải pháp hiệu quả từ Hội thi và tuyên truyền, nhân rộng tại địa phương (dưới dạng video, clip, tài liệu...).

- Triển khai hỗ trợ phụ nữ dân tộc thiểu số sinh đẻ an toàn và chăm sóc sức khỏe trẻ em.

Nội dung 2: Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em.

- Phát triển và nhân rộng mô hình tiết kiệm và tín dụng tự quản để tăng cường tiếp cận tín dụng, cải thiện cơ hội sinh kế, tạo cơ hội tạo thu nhập và lồng ghép giới.

+ Củng cố nâng cao chất lượng hoặc thành lập mới và duy trì tổ tiết kiệm vốn vay thôn bản.

+ Hướng dẫn thành lập, vận hành, quản lý tổ tiết kiệm vốn vay thôn bản, hướng dẫn kết nối các chế định tài chính chính thức, phát triển sinh kế, áp dụng phương pháp học tập và hành động giới cho tổ tiết kiệm vốn vay thôn bản và tập huấn hướng dẫn triển khai.

- Hỗ trợ ứng dụng công nghệ 4.0 để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ DTTS trong sản xuất và kết nối thị trường cho các sản phẩm nông sản

- Củng cố nâng cao chất lượng hoặc thành lập mới Địa chỉ tin cậy cộng đồng hỗ trợ bảo vệ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bạo lực gia đình.

- Thí điểm và nhân rộng mô hình hỗ trợ phát triển sinh kế cho phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn.

Nội dung 3. Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng; giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

- Đảm bảo tiếng nói và vai trò của phụ nữ trong các vấn đề kinh tế - xã hội tại địa phương.

+ Tổ chức tập huấn hướng dẫn cán bộ huyện, xã tổ chức Đối thoại chính sách ở cấp cơ sở theo Sổ tay hướng dẫn của Trung ương

+ Tổ chức các cuộc đối thoại chính sách ở cấp xã và cụm thôn bản đặc biệt khó khăn.

+ Thực hiện giám sát xã hội theo chủ đề/vấn đề do Hội chủ động đề xuất, chủ trì hoặc phối hợp thực hiện.

- Đảm bảo tiếng nói và vai trò của trẻ em gái trong phát triển kinh tế-xã hội của cộng đồng thông qua mô hình CLB “thủ lĩnh của sự thay đổi”.

+ Thành lập, vận hành CLB thủ lĩnh của sự thay đổi tại trường THCS

+ Hướng dẫn thành lập, vận hành CLB thủ lĩnh của sự thay đổi và tập huấn hướng dẫn triển khai.

- Công tác giám sát và đánh giá về thực hiện bình đẳng giới trong CTMTQG DTTS&MN

+ Tập huấn hướng dẫn giám sát, đánh giá về bình đẳng giới trong thực hiện Chương trình MTQG theo Sổ tay hướng dẫn của TW (cho cán bộ cấp xã và thôn bản)

+ Thực hiện giám sát, hỗ trợ kỹ thuật cho các địa bàn dự án; xây dựng hệ thống thông tin giám sát về bình đẳng giới trên nền tảng số.

+ Tổ chức Hội nghị sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm triển khai thực hiện Dự án 8 và thực hiện bình đẳng giới trong Chương trình MTQG.

- Nâng cao năng lực cho phụ nữ DTTS tham gia ứng cử, vận động bầu cử vào các cơ quan dân cử.

+ Tập huấn cho cán bộ nữ chủ chốt trong quy hoạch vào các vị trí lãnh đạo trong hệ thống chính trị ở cấp huyện, cấp xã về kỹ năng, kinh nghiệm vận động ứng cử vào các cơ quan dân cử.

+ Tổ chức các chuyên tham quan học tập kinh nghiệm cho cán bộ nữ chủ chốt trong quy hoạch ở cấp huyện, cấp xã tại các địa phương điển hình.

Nội dung 4. Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới (LGG) cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.

- Xây dựng chương trình phát triển năng lực thực hiện bình đẳng cho cán bộ các cấp trong hệ thống chính trị.

+ Tổ chức tập huấn cho cán bộ cấp huyện, cấp xã theo Chương trình 2 về phát triển năng lực LGG.

+ Tổ chức tập huấn theo Chương trình 3 về thúc đẩy bình đẳng giới trong cộng đồng, gồm: cán bộ thôn bản, người có uy tín trong thôn.

- Xây dựng đội ngũ giảng viên nguồn về lồng ghép giới.

d) Vốn và cơ cấu nguồn vốn:

- Kinh phí thực hiện vốn sự nghiệp năm 2022: 126 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 126 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

- Kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2023-2025: trên cơ sở số vốn tỉnh giao hàng năm, UBND huyện chi tiết nội dung thực hiện sau.

e) Phân công thực hiện: Hội Liên hiệp phụ nữ huyện là cơ quan chủ trì, phối hợp với phòng LĐ TB&XH và các phòng ban ngành liên quan; UBND các xã thuộc Chương trình tổ chức thực hiện Dự án 8 trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

9. Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và dân tộc còn nhiều khó khăn

9.1. Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế-xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù

a) Mục tiêu:

+ Xóa đói, giảm nghèo nhanh, bền vững, nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, thu hẹp khoảng cách về mức sống, thu nhập so với các dân tộc khác trong vùng; góp phần nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, hỗ trợ cải thiện chất lượng dân số, thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc; đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ, cộng đồng và xây dựng cơ sở chính trị ở thôn bản vững mạnh.

b) Đối tượng:

+ Hộ dân tộc nghèo thuộc danh sách dân tộc còn gặp nhiều khó khăn theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Các xã, thôn đặc biệt khó khăn có đồng bào các dân tộc thuộc danh sách dân tộc còn gặp nhiều khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 sinh sống ổn định thành cộng đồng.

- **Phạm vi:** Các hộ dân tộc thiểu số nghèo thuộc danh sách dân tộc còn gặp nhiều khó khăn và các xã khu vực III, các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 được thụ hưởng chính sách của Tiểu dự án này thì không được thụ hưởng chính sách tại các Dự án khác của Chương trình.

c) Nội dung thực hiện

Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế

Hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn cho nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn với các hộ và các nhóm cộng đồng để phát triển sản xuất (chăn nuôi, trồng trọt, ngành nghề phi nông nghiệp...) thông qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi đặc biệt.

d) Vốn và cơ cấu nguồn vốn:

- Kinh phí thực hiện vốn sự nghiệp năm 2022: 380 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 380 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

- Kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2023-2025: trên cơ sở số vốn tỉnh giao hàng năm, UBND huyện chi tiết nội dung thực hiện sau.

e) Phân công thực hiện

- Văn phòng HĐND & UBND là cơ quan chủ trì:

+ Phối hợp với Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện, UBND các xã tổ chức thực hiện cho vay có thu hồi vốn đối với các hoạt động phát triển sản xuất.

+ Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

- Ủy ban nhân dân các xã tổ chức thực hiện các nội dung Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 9 đảm bảo đúng đối tượng, không trùng lặp, chồng chéo với các Chương trình, Dự án khác đang đầu tư trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả theo định kỳ, đột xuất.

9.2. Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Mục tiêu:

+ Chuyển đổi nhận thức, hành vi trong hôn nhân của đồng bào dân tộc thiểu số góp phần giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là nhóm các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn;

+ Phân đầu trên 90% cán bộ làm công tác dân tộc các cấp, cán bộ văn hóa - xã hội xã được tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng vận động, tư vấn, truyền thông thay đổi hành vi về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vào năm 2025;

+ Giảm bình quân 2% - 3%/năm số cặp tảo hôn và 3% - 5%/năm số cặp kết hôn cận huyết thống đối với các địa bàn, dân tộc thiểu số có tỷ lệ tảo hôn, kết hôn cận huyết thống cao;

+ Đến năm 2025, phấn đấu ngăn chặn, hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Đối tượng:

+ Nhóm vị thành niên, thanh niên là người dân tộc thiểu số thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn;

+ Các bậc cha mẹ và học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú;

+ Nhóm phụ nữ và nam giới người dân tộc thiểu số thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn có tảo hôn, kết hôn cận huyết thống;

+ Lãnh đạo cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị, xã hội các cấp trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số.

c) Nội dung thực hiện

- Biên soạn, cung cấp tài liệu và tổ chức truyền thông tại các xã có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao.

- Quản lý, kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết.

d) Vốn và cơ cấu nguồn vốn:

- Kinh phí thực hiện vốn sự nghiệp năm 2022: 70 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 70 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

- Kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2023-2025: trên cơ sở số vốn tỉnh giao hàng năm, UBND huyện chi tiết nội dung thực hiện sau.

e) Phân công thực hiện: Phòng LĐ TB&XH huyện là cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã tổ chức thực hiện Tiểu Dự án 2 thuộc Dự án 9 trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả theo định kỳ, đột xuất.

10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

10.1. Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025

a1) Nội dung 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín

- **Mục tiêu:** Xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Biểu dương, tôn vinh, ghi nhận công lao, sự đóng góp của các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

- Đối tượng:

. Già làng, trưởng bản, người có uy tín, cán bộ cốt cán có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

. Các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có nhiều đóng góp trên các lĩnh vực của đời sống xã hội trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

- Nội dung:

. Xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín.

. Triển khai thực hiện hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín.

. Xây dựng, phát hiện, bồi dưỡng, lựa chọn, quản lý, sử dụng lực lượng cốt cán và người có uy tín phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

. Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, cung cấp tài liệu, thông tin cho người có uy tín phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

. Tổ chức các cuộc hội nghị, gặp mặt, tọa đàm, hoạt động giao lưu, học tập kinh nghiệm.

- Phân công thực hiện nội dung 01:

Phòng Nội vụ là cơ quan chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, UBND các xã hướng dẫn, kiểm tra và tổng hợp báo cáo kết quả theo định kỳ, đột xuất.

a2) Nội dung 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc thiểu số

- **Mục tiêu:** Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức cho già làng, trưởng bản, người có uy tín, chức sắc tôn giáo, đồng bào dân tộc thiểu số và Nhân dân.

- Đối tượng:

. Người dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- . Cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc;
- . Cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi;
- . Lãnh đạo tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở xã; thôn, bản; già làng, trưởng thôn, bản, người có uy tín, các chức sắc, chức việc tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;
- . Doanh nghiệp, HTX, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đặc biệt khó khăn.

- Nội dung:

- Tổ chức hội nghị, lớp tập huấn tại cho cán bộ làm công tác dân tộc, huyện, xã, cán bộ thôn, các tuyên truyền viên cấp huyện, xã, thôn.

- Phân công thực hiện nội dung 02:

Phòng Tư pháp là cơ quan chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, UBND các xã hướng dẫn, kiểm tra và tổng hợp báo cáo kết quả theo định kỳ, đột xuất.

a3) Nội dung 03. Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Mục tiêu: Bảo đảm công bằng trong tiếp cận công lý của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xây dựng các mô hình điểm giúp đồng bào kịp thời tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi gặp vướng mắc, tranh chấp pháp luật.

- Đối tượng: Già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng, cán bộ cơ sở, người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; người thực hiện trợ giúp pháp lý và cán bộ các cơ quan liên quan.

- Nội dung:

. Tổ chức các đợt truyền thông trực tiếp tại các xã vùng đồng bào DTTS và miền núi.

. Tổ chức tập huấn điểm về kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý vùng đồng bào DTTS và miền núi.

. Xây dựng các chương trình trợ giúp pháp lý.

. Tổ chức các đợt chuyên đề trợ giúp pháp lý điểm kết nối cộng đồng.

. Biên soạn cung cấp các tài liệu truyền thông về chính sách trợ giúp pháp.

- Phân công thực hiện nội dung 03:

Phòng Tư pháp là cơ quan chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, UBND các xã hướng dẫn, kiểm tra và tổng hợp báo cáo kết quả theo định kỳ, đột xuất.

b) Vốn và cơ cấu nguồn vốn:

- Kinh phí thực hiện vốn sự nghiệp năm 2022: 31 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 31 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

- Kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2023-2025: trên cơ sở số vốn tỉnh giao hàng năm, UBND huyện chi tiết nội dung thực hiện sau.

10.2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Mục tiêu: Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận thông tin về khoa học công nghệ và quảng bá các sản phẩm của địa phương. Nâng cao khả năng ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

b) Đối tượng:

+ Cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan làm công tác dân tộc cấp huyện, xã;

+ Các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Nội dung thực hiện

- Rà soát, nâng cấp và xây dựng cơ sở dữ liệu hiện trạng kinh tế - xã hội - môi trường các địa phương phục vụ việc giám sát, đánh giá Chương trình MTQG đồng thời phục vụ công tác lập kế hoạch phát triển, thu hút đầu tư các địa phương.

- Số hóa các tài nguyên văn hóa vật thể và phi vật thể điển hình.

- Hướng dẫn về chuyển đổi số vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Vốn và cơ cấu nguồn vốn:

- Kinh phí thực hiện vốn ĐTPT giai đoạn 2021-2025: 383 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 383 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện vốn ĐTPT năm 2022: 69 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 69 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo)

- Kinh phí thực hiện vốn sự nghiệp năm 2022: 11 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 11 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

- Kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2023-2025: trên cơ sở số vốn tỉnh giao hàng năm, UBND huyện chi tiết nội dung thực hiện sau.

e) Phân công thực hiện: Phòng Văn hóa – Thông tin là cơ quan chủ trì, phối hợp với phòng ban, ngành liên quan và UBND các xã triển khai các nội dung; tổng hợp báo cáo kết quả theo định kỳ, đột xuất.

10.3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

a) Mục tiêu: Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo Chương trình thực hiện đạt được mục tiêu đề ra.

b) Đối tượng:

+ Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

+ Người dân trên địa bàn thụ hưởng Chương trình.

c) Nội dung thực hiện

- Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá cho các xã thực hiện Chương trình.

- Tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình.

- Tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng; tổ chức giám sát phản biện chính sách xã hội của Chương trình.

- Tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình tại các địa phương.

d) Vốn và cơ cấu nguồn vốn:

- Kinh phí thực hiện vốn sự nghiệp năm 2022: 6 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 6 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

- Kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2023-2025: trên cơ sở số vốn tỉnh giao hàng năm, UBND huyện chi tiết nội dung thực hiện sau.

e) Phân công thực hiện: Phòng Tài chính – Kế hoạch là cơ quan chủ trì, phối hợp với các phòng ban, ngành và đơn vị liên quan; UBND các xã thuộc Chương trình tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả theo định kỳ, đột xuất.

V. GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG NGUỒN VỐN

1. Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước

- UBND huyện trình HĐND huyện xem xét thông qua Nghị quyết về bố trí nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện.

- Trên cơ sở nguồn vốn ngân sách huyện được xác định để thực hiện Kế hoạch, các phòng ban, đơn vị liên quan và UBND các xã Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà rà soát hàng năm để thực hiện bước chuẩn bị đầu tư và đề xuất kế hoạch vốn cụ thể cho từng năm và năm tiếp theo theo quy định của Luật đầu tư công và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Tập trung ưu tiên bố trí đủ và kịp thời nguồn vốn ngân sách huyện để thực hiện Kế hoạch. Đồng thời, quản lý chặt chẽ nguồn vốn để đảm bảo sử dụng có hiệu quả, không để lãng phí, thất thoát, sai phạm.

2. Đối với nguồn vốn tín dụng

- Ưu tiên tập trung vốn tín dụng đầu tư dài hạn, vốn tín dụng từ quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia cho một số doanh nghiệp, đơn vị sản xuất kinh doanh theo đối tượng ưu tiên, nhất là các doanh nghiệp đầu tư vào các xã, thôn thuộc các lĩnh vực nông lâm nghiệp, giải quyết việc làm... và hỗ trợ các hộ dân đầu tư phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa, phát triển các trang trại, phát triển sản phẩm thương hiệu.

- Tăng cường sử dụng nguồn vốn tín dụng theo các chính sách tín dụng, phát triển tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới... để hỗ trợ đầu tư phát triển tại các địa bàn thuộc phạm vi của Kế hoạch.

- Việc thực hiện các chính sách tín dụng, hỗ trợ tín dụng phải gắn với kiểm tra, hướng dẫn chi tiết việc quản lý, sử dụng, để phát huy tốt nhất hiệu quả của nguồn vốn.

3. Đối với nguồn vốn từ đầu tư của các doanh nghiệp

- Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng thiết yếu để kêu gọi, thu hút đầu tư; có phương án tích tụ, tạo quỹ đất và mặt bằng để thu hút đầu tư vào địa bàn thuộc phạm vi của Kế hoạch. Nghiên cứu có chính sách hỗ trợ riêng đối với từng dự án cụ thể khi đầu tư vào địa bàn này.

- Tổ chức các chương trình xúc tiến, kêu gọi đầu tư, tư vấn, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư có hiệu quả, đúng quy định vào vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Có cơ chế, chính sách để khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông lâm nghiệp, sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, giải quyết việc làm tại chỗ cho đồng bào DTTS và gắn bó lâu dài với địa phương.

4. Đối với nguồn vốn xã hội hóa và người dân đóng góp

- Thực hiện việc phân công các phòng, ban, ngành, đoàn thể hỗ trợ các địa phương, đồng thời kêu gọi các nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ các địa phương thuộc phạm vi của Kế hoạch.

- Tuyên truyền, kêu gọi, vận động cộng đồng, người dân ngay tại các địa phương thuộc phạm vi của Kế hoạch có trách nhiệm tích cực, chủ động tham gia đóng góp nhân lực, vật lực để xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất và thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch. Phát huy vốn tự có, vốn tích lũy trong nhân dân để đưa vào sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Việc quản lý, sử dụng các nguồn vốn xã hội hóa phải được thực hiện đảm bảo đúng mục đích, khách quan, công khai, minh bạch và có hiệu quả.

5. Vốn lồng ghép khác: Xác định cụ thể các nguồn vốn có cùng mục tiêu (vốn nông thôn mới, vốn chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững...) để lồng ghép thực hiện Kế hoạch cho cả giai đoạn và hàng năm.

6. Bên cạnh nguồn kinh phí đã được phê duyệt trong kế hoạch này, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các phòng, ban, ngành, UBND các xã Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà chủ động tham mưu, bố trí, huy động, lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch này.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Tài chính – Kế hoạch

- Là cơ quan thường trực, chủ trì phối hợp Văn phòng HĐND&UBND tham mưu UBND huyện cụ thể hóa, chỉ đạo, triển khai thực hiện, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn, tổng hợp, đánh giá kết quả và điều phối chung việc triển khai thực hiện Kế hoạch này trên phạm vi toàn huyện.

- Tham mưu xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện cho giai đoạn 5 năm (2021 - 2025) và hàng năm, trong đó xác định cụ thể các mục tiêu, tiến độ, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với phòng ban ngành, đơn vị có liên quan tham mưu bố trí, phân bổ, quản lý nguồn vốn ngân sách thực hiện Kế hoạch cho giai đoạn trung hạn (2021 - 2025) và hàng năm thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia

phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 – 2030; Phối hợp với các phòng, ngành, đoàn thể liên quan tham mưu huy động, lồng ghép các nguồn lực đầu tư, hỗ trợ theo nội dung Kế hoạch.

- Chủ trì hướng dẫn các phòng, ban, ngành và UBND các xã thực hiện chế độ thông tin, báo cáo. Đồng thời tổng hợp, đánh giá kết quả, tiến độ thực hiện Kế hoạch theo định kỳ, tổng kết kế hoạch vào năm 2025 và đề xuất cơ chế, chính sách tiếp tục thực hiện cho giai đoạn 2026 - 2030.

- Hướng dẫn cụ thể việc lập kế hoạch, bố trí, quản lý, sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển để thực hiện Đề án theo quy định của Luật đầu tư công và các quy định có liên quan của Trung ương, của tỉnh.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc cấp phát nguồn vốn sự nghiệp; quy trình thủ tục thanh quyết toán nguồn vốn theo quy định.

- Chủ trì tham mưu triển khai thực hiện Tiểu Dự án 3 thuộc Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2021 - 2025.

2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì tham mưu, hướng dẫn triển khai các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo Kế hoạch đã được phê duyệt. Thực hiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy hình thành và phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn các xã, thôn thuộc phạm vi của Kế hoạch, gắn với thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo kế hoạch.

- Triển khai thực hiện các cơ chế chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông lâm nghiệp, sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, giải quyết việc làm tại chỗ cho đồng bào DTTS và gắn bó lâu dài với địa phương.

- Phối hợp với các phòng, ngành, địa phương liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện và lồng ghép, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất ở địa bàn các xã, thôn thuộc phạm vi của Kế hoạch.

- Phối hợp với các địa phương chỉ đạo thực hiện đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt đối với từng xã, thôn thuộc phạm vi của Kế hoạch. Hướng dẫn việc triển khai và nhân rộng các vườn mẫu nhằm phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch.

- Chủ trì tham mưu triển khai thực hiện Tiểu Dự án 1, Tiểu Dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2021 - 2025.

3. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội

- Chủ trì tham mưu cụ thể hóa Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, gắn với thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch này; Chủ trì tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác thông tin và truyền thông về giảm nghèo, đánh giá thực trạng, xây dựng lộ trình, giải pháp cụ thể để nhân rộng mô hình giảm nghèo nhằm đạt được mục tiêu Kế hoạch đã đề ra.

- Chủ trì tổ chức, hướng dẫn các địa phương mở các lớp đào tạo nghề, hướng nghiệp cho lao động nông thôn; tham mưu cụ thể hóa và thực hiện kế hoạch đào tạo, dạy nghề cho lao động người DTTS, lao động tại các địa phương thuộc phạm vi của Kế hoạch, giai đoạn 2021 - 2025.

- Hàng năm hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch lập dự toán kinh phí mở các lớp đào tạo nghề, hướng nghiệp cho lao động nông thôn là người DTTS; tổng hợp kế hoạch trình UBND huyện; tổng hợp nhu cầu kinh phí gửi phòng Tài chính – Kế hoạch thẩm định.

- Chủ trì tham mưu thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 5; Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 9 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển bền vững kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2021 - 2025.

4. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan hướng dẫn, đôn đốc các địa phương đầu tư và hoàn thiện hệ thống hạ tầng giáo dục, chuẩn hóa về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đối với các xã, thôn thuộc phạm vi Kế hoạch.

- Tiếp tục tham mưu, thực hiện tốt việc tư vấn, định hướng nghề nghiệp, phân loại học sinh ở bậc học THCS, THPT để định hướng học tập, định hướng nghề nghiệp cho phù hợp; Chỉ đạo nâng cao chất lượng toàn diện hệ thống trường phổ thông bán trú ở xã, hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú ở huyện.

- Chủ trì tham mưu thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 5 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025.

5. Phòng Văn hóa và Thông tin

- Chủ trì tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng các sản phẩm du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, gắn với phát huy tiềm năng lợi thế về điều kiện tự nhiên, văn hóa truyền thống của đồng bào tại các xã, thôn thuộc phạm vi của Kế hoạch; tham mưu lựa chọn đưa các xã, thôn thuộc Kế hoạch vào tham gia các hoạt động phát triển du lịch cộng đồng của huyện.

- Chủ trì tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thuộc phạm vi Kế hoạch tiếp tục đầu tư và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị nhà văn hóa xã, thôn theo mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Chủ trì hướng dẫn, xây dựng, hoàn thiện các quy định về thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh trong tổ chức việc cưới, việc tang, lễ hội, góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Phối hợp với các địa phương quảng bá, kết nối các điểm du lịch, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Xây dựng Kế hoạch bảo tồn, khôi phục và phát huy các môn thể thao dân tộc góp phần thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ giải pháp của Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp đơn vị có liên quan tham mưu thực hiện Dự án 6, Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025.

6. Phòng Tư pháp

- Hàng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện bố trí kinh phí phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý đối với địa bàn các xã, thôn thuộc phạm vi của Kế hoạch.

- Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý đối với địa bàn các xã, thôn thuộc Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp đơn vị liên quan tham mưu thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025.

7. Phòng Nội vụ

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong thực hiện Chương trình này.

- Chủ trì tham mưu thực hiện Tiểu dự án 4 thuộc Dự án 5 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025.

9. Văn phòng HĐND&UBND huyện:

- Chủ trì, phối hợp với phòng Tài chính-Kế hoạch tham mưu UBND huyện cụ thể hóa, hướng dẫn, triển khai, tổng hợp thực hiện chế độ báo cáo việc triển khai thực hiện Chương trình theo yêu cầu, quy định.

- Chủ trì tham mưu thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 9 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025.

9. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

- Tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em.

- Hỗ trợ phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

- Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.

- Chủ trì tham mưu thực hiện Dự án 8 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025.

10. Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh huyện Vĩnh Linh

- Tham mưu, bố trí đủ nguồn vốn cho các đối tượng được vay vốn phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, làm nhà ở, tạo quỹ đất sản xuất, đất ở chuyển đổi nghề... đảm bảo hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch.

- Đề xuất các giải pháp đơn giản hóa các thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận được nguồn vốn vay trong phạm vi của Kế hoạch.

11. UBND các xã Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà

- Chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thực hiện Kế hoạch trên địa bàn quản lý.

- Căn cứ Kế hoạch được UBND huyện phê duyệt, UBND các xã chủ động xây dựng Kế hoạch, báo cáo cấp ủy, HĐND cùng cấp để thống nhất, phê duyệt, chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của Kế hoạch và tình hình cụ thể tại địa phương.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, lộ trình, giải pháp cụ thể chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung của Kế hoạch.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, phát huy vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị tại địa phương trong thực hiện Kế hoạch; Chủ động trong đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, luân chuyển đội ngũ cán bộ ở địa phương để đáp ứng tốt yêu cầu công tác.

- Chủ động huy động, thực hiện lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, dự án, chính sách có cùng mục tiêu trên địa bàn để thực hiện Kế hoạch.

- Thực hiện tốt bước lập kế hoạch, chuẩn bị đầu tư, hỗ trợ đối với các chương trình, dự án, nội dung cụ thể được phê duyệt; Quản lý, sử dụng nguồn lực đầu tư, hỗ trợ đảm bảo đúng mục tiêu, đúng đối tượng, đảm bảo tiến độ, chất lượng thực hiện và phát huy hiệu quả sau đầu tư, hỗ trợ.

- Thực hiện nghiêm túc, có trách nhiệm cao trong chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, giám sát, hướng dẫn thực hiện Kế hoạch, kịp thời giải quyết, kiến nghị giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Kế hoạch từ cơ sở; Định kỳ sơ, tổng kết, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Chủ trì thực hiện Dự án 1, Dự án 2, Dự án 4, Dự án 5 (vốn đầu tư phát triển) của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025.

12. Các phòng ban, đơn vị trên địa bàn huyện

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, tăng cường công tác phối hợp thực hiện tốt Kế hoạch.

- Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị Chủ đầu tư dự án thực hiện đảm bảo đúng quy định.

13. Đề nghị Ủy ban UBMTTQVN huyện và các tổ chức chính trị-xã hội

- Chủ động tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội, phát huy vai trò, trách nhiệm và sự vào cuộc với vai trò chủ thể của đoàn viên, hội viên và nhân dân trong tham gia thực hiện Kế hoạch.

- Thực hiện tốt vai trò giám sát phản biện trong quá trình thực hiện Kế hoạch, từ đó kiến nghị các giải pháp, cơ chế, chính sách cụ thể để thực hiện có hiệu quả Kế hoạch.

- Phát huy sự tham gia của cộng đồng, người dân và vai trò giám sát cộng đồng trong thực hiện ngay từ bước lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng các công trình, dự án thuộc Kế hoạch.

- Phối hợp thực hiện tốt công tác kiểm tra, hướng dẫn thực hiện; tuyên truyền huy động các nguồn lực, nhân rộng các gương tập thể, cá nhân điển hình trong thực hiện Kế hoạch và phong trào thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025, Ủy ban nhân dân huyện đề nghị các Phòng, ban ngành, đơn vị liên quan và UBND các xã Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể, tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả./.

Biểu phụ lục 01

**KẾ HOẠCH VỐN ĐTPPT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI
GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND huyện Vĩnh Linh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư dự kiến	Dự kiến kế hoạch vốn 5 năm				Kế hoạch vốn 2022				Ghi chú	
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
					NSTW	NSDP	Huy động, lồng ghép nguồn vốn khác		Dân đóng góp	NSTW	NSDP		Huy động, lồng ghép nguồn vốn khác
	TỔNG CỘNG		57,221.367	57,221.367	51,245.000			5,976.367	11,211.011	10,604.000			607.011
I	Dự án 1: giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước SH		12,241.171	12,241.171	8,702.000			3,539.171	2,697.485	2,516.000			181.485
1	<i>Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở:</i>												
+	Nhà ở; HM: Hỗ trợ xây mới nhà ở xã Vĩnh Khê	Xã Vĩnh Khê	900.000	900.000	360.000			540.000					
+	Nhà ở; HM: Hỗ trợ tu sửa nhà ở xã Vĩnh Khê	Xã Vĩnh Khê	2,600.000	2,600.000	1,040.000			1,560.000					
+	Nhà ở; Hàng mục: Hỗ trợ xây mới nhà ở tại thôn Khe Hó Trù và thôn Bãi Hà Mới, xã Vĩnh Hà	Thôn Khe Hó Trù và Bãi Hà Mới	1,890.000	1,890.000	840.000			1,050.000					
2	<i>Nội dung số 07: Hỗ trợ nước sinh hoạt</i>												
+	Nước sinh hoạt tập trung: Hàng mục: giếng khoan, bể lọc, hệ thống ống dẫn nước thôn Cây Tằm, xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	882.105	882.105	838.000			44.105	882.105	838.000			44.105
+	Nước sinh hoạt tập trung: Hàng mục: giếng khoan, bể lọc, hệ thống ống dẫn nước thôn Xóm Mới, xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	883.158	883.158	839.000			44.158	883.158	839.000			44.158
+	Nước sinh hoạt tập trung: Hàng mục: giếng khoan, bể lọc, hệ thống ống dẫn nước thôn Lèn (điểm dân cư số 1), xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	886.316	886.316	842.000			44.316					

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư dự kiến	Dự kiến kế hoạch vốn 5 năm					Kế hoạch vốn 2022					Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				
					NSTW	NSDP	Huy động, lồng ghép nguồn vốn khác	Dân đóng góp		NSTW	NSDP	Huy động, lồng ghép nguồn vốn khác	Dân đóng góp	
+	Nước sinh hoạt tập trung: Hạng mục: giếng khoan, bể lọc, hệ thống ống dẫn nước thôn Xà Lồi, xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	864.211	864.211	821.000			43.211						
+	Nước sinh hoạt tập trung: Hạng mục: giếng khoan, bể lọc, hệ thống ống dẫn nước thôn Xóm Mới (điểm dân cư 2), xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	672.632	672.632	639.000			33.632						
+	Nước sinh hoạt tập trung: Hạng mục: giếng khoan, bể lọc, hệ thống ống dẫn nước thôn Xà Nin, xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	864.211	864.211	821.000			43.211						
+	Nước sinh hoạt tập trung: Hạng mục: giếng khoan, bể lọc, hệ thống ống dẫn nước thôn Lèn (điểm dân cư số 2), xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	866.316	866.316	823.000			43.316						
+	Nước sinh hoạt tập trung: Hạng mục: hệ thống lọc nước và giếng khoan tại thôn Khe Hó Trù và thôn Bãi Hà Mới, xã Vĩnh Hà	Thôn Khe Hó Trù và Bãi Hà Mới	932.222	932.222	839.000			93.222	932.222	839.000			93.222	
II	Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư những nơi cần thiết		9,453.685	9,453.685	8,981.000			472.685	1,701.053	1,616.000			85.053	
-	Dự án bố trí ổn định dân cư tại thôn Mít xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô												
+	Dự án bố trí ổn định dân cư tại thôn Mít xã Vĩnh Ô; HM: Bê tông hóa đường ra khu sản xuất thôn Mít	Xã Vĩnh Ô	894.737	894.737	850.000			44.737	894.737	850.000			44.737	
+	Dự án bố trí ổn định dân cư tại thôn Mít xã Vĩnh Ô; HM: Bê tông hóa đường giao thông ổn định dân cư phía bắc thôn Mít	Xã Vĩnh Ô	806.316	806.316	766.000			40.316	806.316	766.000			40.316	

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư dự kiến	Dự kiến kế hoạch vốn 5 năm					Kế hoạch vốn 2022					Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				
					NSTW	NSDP	Huy động, lồng ghép nguồn vốn khác	Dân đóng góp		NSTW	NSDP	Huy động, lồng ghép nguồn vốn khác	Dân đóng góp	
+	Dự án bố trí ổn định dân cư tại thôn Mít xã Vĩnh Ô; HM: Đường giao thông khu sản xuất xóm 6 thôn Mít	Xã Vĩnh Ô	1,052.632	1,052.632	1,000.000			52.632						
+	Dự án bố trí ổn định dân cư tại thôn Mít xã Vĩnh Ô; HM: Công trình nước sinh hoạt tập trung ổn định dân cư xóm 9 thôn Mít	Xã Vĩnh Ô	1,052.632	1,052.632	1,000.000			52.632						
+	Dự án bố trí ổn định dân cư tại thôn Mít xã Vĩnh Ô; HM: Bê tông hóa đường liên thôn Mít	Xã Vĩnh Ô	1,052.632	1,052.632	1,000.000			52.632						
+	Dự án bố trí ổn định dân cư tại thôn Mít xã Vĩnh Ô; HM: Bê tông hóa đường giao thông khe Vịt thôn Mít	Xã Vĩnh Ô	842.105	842.105	800.000			42.105						
+	Dự án bố trí ổn định dân cư tại thôn Mít xã Vĩnh Ô; HM: Bê tông hóa đường giao thông ra đập Lava thôn Mít	Xã Vĩnh Ô	947.368	947.368	900.000			47.368						
+	Dự án bố trí ổn định dân cư tại thôn Mít xã Vĩnh Ô; HM: Đầu tư công trình đập thủy lợi nhỏ	Xã Vĩnh Ô	1,263.158	1,263.158	1,200.000			63.158						
+	Dự án bố trí ổn định dân cư tại thôn Mít xã Vĩnh Ô; HM: Bê tông hóa kênh mương nội đồng thôn Mít	Xã Vĩnh Ô	526.316	526.316	500.000			26.316						
+	Dự án bố trí ổn định dân cư tại thôn Mít xã Vĩnh Ô; HM: Bê tông hóa đường giao thông ra khu sản xuất xóm 7 thôn Mít	Xã Vĩnh Ô	1,015.789	1,015.789	965.000			50.789						
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		25,719.563	25,719.563	24,200.000			1,519.563	4,616.368	4,356.000			260.368	

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư dự kiến	Dự kiến kế hoạch vốn 5 năm				Kế hoạch vốn 2022					
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
					NSTW	NSDP	Huy động, lồng ghép nguồn vốn khác		Dân đóng góp	NSTW	NSDP	Huy động, lồng ghép nguồn vốn khác	Dân đóng góp
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>												
4.1.	Xã Vĩnh Ô		12,536.844	12,536.844	11,910.000			626.844	1,707.369	1,622.000			85.369
+	Đường ra khu sản xuất thôn Xà Lồi, xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	591.579	591.579	562.000			29.579	591.579	562.000			29.579
+	Đầu tư cải tạo hệ thống điện dân cư tại thôn Cây Tầm xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	557.895	557.895	530.000			27.895	557.895	530.000			27.895
+	Đầu tư cải tạo hệ thống điện dân cư tại thôn Thúc xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	557.895	557.895	530.000			27.895	557.895	530.000			27.895
+	Sửa chữa đường giao thông thôn Cây Tầm, xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	526.316	526.316	500.000			26.316					
+	Sửa chữa đường giao thông thôn Thúc, xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	526.316	526.316	500.000			26.316					
+	Bê tông hóa kênh mương nội đồng thôn Cây Tầm, xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	736.842	736.842	700.000			36.842					
+	Đầu tư cải tạo hệ thống điện dân cư tại thôn Xóm Mới xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	557.895	557.895	530.000			27.895					
+	Đầu tư cải tạo hệ thống điện dân cư tại thôn Lèn xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	663.158	663.158	630.000			33.158					
+	Đầu tư cải tạo hệ thống điện dân cư tại thôn Xà Lồi xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	631.579	631.579	600.000			31.579					
+	Đầu tư cải tạo hệ thống điện dân cư tại thôn Xà Nin xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	526.316	526.316	500.000			26.316					
+	Bê tông hóa đường ra khu sản xuất thôn Xà Lồi đoạn qua nhà ông Thới, xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	842.105	842.105	800.000			42.105					
+	Xây dựng cầu tràn khe Thúc, xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	789.474	789.474	750.000			39.474					

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư dự kiến	Dự kiến kế hoạch vốn 5 năm					Kế hoạch vốn 2022					Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				
					NSTW	NSDP	Huy động, lồng ghép nguồn vốn khác	Dân đóng góp		NSTW	NSDP	Huy động, lồng ghép nguồn vốn khác	Dân đóng góp	
+	Xây dựng mới đập khe Tông thôn Cây Tăm, xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	1,263.158	1,263.158	1,200.000			63.158						
+	Bê tông hóa đường giao thông khe Cam, thôn Lèn, xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	842.105	842.105	800.000			42.105						
+	Bê tông hóa đường giao thông thôn Xà Nin đoạn qua nhà anh Đình, xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	631.579	631.579	600.000			31.579						
+	Bê tông hóa đường ra đập Mixi thôn Xóm Mới, xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	631.579	631.579	600.000			31.579						
+	Bê tông hóa đường ra khu sản xuất thôn Lèn đoạn nhà ông Thí, xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	631.579	631.579	600.000			31.579						
+	Bê tông hóa đường giao thông thôn Thúc, đoạn nhà ông Quang đến lô anh Chiến, xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	1,029.474	1,029.474	978.000			51.474						
4.2.	Xã Vĩnh Khê		9,631.578	9,631.578	9,150.000			481.578	1,341.052	1,274.000			67.052	
+	Công trình điện đường xương cá thôn Mới xã Vĩnh Khê	Xã Vĩnh Khê	210.526	210.526	200.000			10.526	210.526	200.000			10.526	
+	Đường nội đồng thôn Mới, xã Vĩnh Khê. Hạng mục: cống thoát nước	Xã Vĩnh Khê	315.789	315.789	300.000			15.789	315.789	300.000			15.789	
+	Bê tông đường nội đồng thôn Mới, xã Vĩnh Khê, đoạn sau nhà ông Thức - Nhàn	thôn Mới	610.526	610.526	580.000			30.526	610.526	580.000			30.526	
+	Sửa chữa đường nội đồng thôn Xung Phong xã Vĩnh Khê; HM cống thoát nước	Xã Vĩnh Khê	204.211	204.211	194.000			10.211	204.211	194.000			10.211	
+	Bê tông hóa đường liên thôn Xung Phong - Thôn Mới, xã Vĩnh Khê	Thôn Xung Phong- thôn Mới	4,290.526	4,290.526	4,076.000			214.526						

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư dự kiến	Dự kiến kế hoạch vốn 5 năm					Kế hoạch vốn 2022					Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				
					NSTW	NSDP	Huy động, lồng ghép nguồn vốn khác	Dân đóng góp		NSTW	NSDP	Huy động, lồng ghép nguồn vốn khác	Dân đóng góp	
+	Bê tông hóa đường nội đồng thôn Xung Phong xã Vĩnh Khê, đoạn ruộng dưới đập Xung Phong	Thôn Xung Phong	1,200.000	1,200.000	1,140.000			60.000						
+	Bê tông hóa đường nội đồng thôn Khe Cát, xã Vĩnh Khê, đoạn lô cao su Thoa Tuấn	thôn Khe Cát	1,200.000	1,200.000	1,140.000			60.000						
+	Bê tông hóa đường nội đồng thôn Khe Cát, xã Vĩnh Khê đoạn sau trạm y tế	thôn Khe Cát	1,200.000	1,200.000	1,140.000			60.000						
+	Sửa chữa đường nội thôn thôn Mới, xã Vĩnh Khê	thôn Mới	189.474	189.474	180.000			9.474						
+	Đường điện dân sinh thôn Xung Phong, thôn Khe Cát, xã Vĩnh Khê	Xã Vĩnh Khê	210.526	210.526	200.000			10.526						
4.3.	Xã Vĩnh Hà		3,551.141	3,551.141	3,140.000			411.141	1,567.947	1,460.000			107.947	
+	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Bãi Hà Mới, xã Vĩnh Hà	Thôn Khe Hó Trù và Bãi Hà Mới	978.947	978.947	930.000			48.947	978.947	930.000			48.947	
+	Kiên cố hóa hệ thống kênh mương và cống xả nước tại thôn Bãi Hà Mới	Thôn Khe Hó Trù và Bãi Hà Mới	589.000	589.000	530.000			59.000	589.000	530.000			59.000	
+	Xây dựng hệ thống kênh mương tưới tiêu tại thôn Bãi Hà Mới, xã Vĩnh Hà	Thôn Khe Hó Trù và Bãi Hà Mới	934.444	934.444	841.000			93.444						
+	Xây dựng đường giao thông tại xóm Lai Hai thôn Khe Hó Trù, xã Vĩnh Hà	Thôn Khe Hó Trù	1,048.750	1,048.750	839.000			209.750						
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		8,898.948	8,898.948	8,454.000			444.948	1,602.105	1,522.000			80.105	

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư dự kiến	Dự kiến kế hoạch vốn 5 năm				Kế hoạch vốn 2022				Ghi chú		
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:					
					NSTW	NSDP	Huy động, lồng ghép nguồn vốn khác		Dân đóng góp	NSTW	NSDP		Huy động, lồng ghép nguồn vốn khác	Dân đóng góp
	<i>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số</i>													
5.1	Xã Vĩnh Ô		5,812.632	5,812.632	5,522.000			290.632	1,602.105	1,522.000			80.105	
+	Trường PTDTBT tiểu học Vĩnh Ô (điểm Xà Lòi): Hạng mục: 02 phòng học, 01 phòng hiệu bộ	Xã Vĩnh Ô	1,602.105	1,602.105	1,522.000			80.105	1,602.105	1,522.000			80.105	
+	Trường PTDTBT tiểu học Vĩnh Ô (điểm Xà Lòi): Hạng mục: Công, Hàng rào và nhà vệ sinh	Xã Vĩnh Ô	842.105	842.105	800.000			42.105						
+	Trường PTDTBT tiểu học Vĩnh Ô (điểm trung tâm): Hạng mục: kê chắn đất	Xã Vĩnh Ô	842.105	842.105	800.000			42.105						
+	Trường PTDTBT tiểu học Vĩnh Ô (điểm Xà Lòi): Hạng mục: Nhà bếp, nhà ăn bán trú	Xã Vĩnh Ô	1,052.632	1,052.632	1,000.000			52.632						
+	Trường PTDTBT tiểu học Vĩnh Ô (điểm bán 8): Hạng mục: Nhà bếp, nhà ăn bán trú	Xã Vĩnh Ô	1,052.632	1,052.632	1,000.000			52.632						
+	Trường PTDTBT tiểu học Vĩnh Ô (điểm Xà Lòi): Hạng mục: Lát gạch Terazo sân chơi	Xã Vĩnh Ô	421.053	421.053	400.000			21.053						
5.2	Xã Vĩnh Khê		2,105.263	2,105.263	2,000.000			105.263						

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư dự kiến	Dự kiến kế hoạch vốn 5 năm					Kế hoạch vốn 2022					Ghi chú
				Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				
					NSTW	NSDP	Huy động, lồng ghép nguồn vốn khác	Dân đóng góp		NSTW	NSDP	Huy động, lồng ghép nguồn vốn khác	Dân đóng góp	
+	Trường PTDTBT tiểu học Vĩnh Khê (Điểm Xung Phong); HM: xây nhà kho, khu để xe giáo viên; sửa chữa dãy nhà cấp 4	Vĩnh Khê	1,052.632	1,052.632	1,000.000			52.632						
+	Trường PTDTBT tiểu học Vĩnh Khê (Điểm trung tâm); HM: xây 01 phòng thư viện	Vĩnh Khê	473.684	473.684	450.000			23.684						
+	Trường mầm non công lập xã Vĩnh Khê (Điểm cụm Xung Phong); HM: Xây mới 01 phòng GV; Vườn cổ tích, vườn quan sát	Vĩnh Khê	578.947	578.947	550.000			28.947						
5.3	Xã Vĩnh Hà		981.053	981.053	932.000			49.053						
+	Trường PTDTBTTH Vĩnh Hà; Hạng mục: Sửa chữa nâng cấp dãy nhà 4 phòng học, nhà ăn, bếp ăn bán trú	Tại Trường PTDTBT H Vĩnh Hà	981.053	981.053	932.000			49.053						
VI	Dự án 6: bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		525.000	525.000	525.000				525.000	525.000				
6.1	Xã Vĩnh Ô		240.000	240.000	240.000				240.000	240.000				
+	Thiết chế văn hóa và trang thiết bị nhà văn hóa thôn Cây Tầm xã Vĩnh Ô	xã Vĩnh Ô	80.000	80.000	80.000				80.000	80.000				
+	Thiết chế văn hóa và trang thiết bị nhà văn hóa thôn Thúc xã Vĩnh Ô	xã Vĩnh Ô	80.000	80.000	80.000				80.000	80.000				
+	Thiết chế văn hóa và trang thiết bị nhà văn hóa thôn Xóm Mới xã Vĩnh Ô	xã Vĩnh Ô	80.000	80.000	80.000				80.000	80.000				
6.2	Xã Vĩnh Hà		285.000	285.000	285.000				285.000	285.000				

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư dự kiến	Dự kiến kế hoạch vốn 5 năm				Kế hoạch vốn 2022				Ghi chú		
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:					
					NSTW	NSDP	Huy động, lồng ghép nguồn vốn khác		Dân đóng góp	NSTW	NSDP		Huy động, lồng ghép nguồn vốn khác	Dân đóng góp
+	Hỗ trợ trang thiết bị văn hóa tại nhà văn hóa thôn Bãi Hà Mới, xã Vĩnh Hà	Thôn Khe Hó Trù và Bãi Hà Mới	190.000	190.000	190.000				190.000	190.000				
+	Hỗ trợ trang thiết bị văn hóa tại nhà văn hóa thôn Khe Hó Trù, xã Vĩnh Hà	Thôn Khe Hó Trù và Bãi Hà Mới	95.000	95.000	95.000				95.000	95.000				
X	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện các Chương trình		383.000	383.000	383.000				69.000	69.000				
	<i>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>													
-	Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng CNTT tại xã Vĩnh Khê	Xã Vĩnh Khê	69.000	69.000	69.000				69.000	69.000				
-	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	3 Xã Vĩnh Ô, Khê, Hà	314.000	314.000	314.000									Chi tiết sau

Biểu phụ lục 02**KẾ HOẠCH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP****THỰC HIỆN CT MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC VÀ THIẾU SỐ NĂM 2022**(Kèm theo Quyết định số 3463 /QĐ-UBND ngày 17 /10/2022 của UBND huyện Vĩnh Linh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó			Số kinh phí được phân bổ	Ghi chú
					NSTW	NS huyện	Dân đóng góp		
	TỔNG CỘNG			2,525.0	2,421.0		104.0	2,421.0	
I	Dự án 1: giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			341.0	341.0			341.0	
-	<i>Nội dung số 03: hỗ trợ chuyển đổi nghề</i>			<i>296.0</i>	<i>296.0</i>			<i>296.0</i>	
+	Hỗ trợ mua máy cắt cỏ làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp tại xã Vĩnh Khê	UBND xã Vĩnh Khê	Xã Vĩnh Khê	148.0	148.0			148.0	
+	Hỗ trợ mua máy cắt cỏ làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp tại xã Vĩnh Hà	UBND xã Vĩnh Hà	Xã Vĩnh Hà	148.0	148.0			148.0	
-	<i>Nội dung 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán</i>			<i>45.0</i>	<i>45.0</i>			<i>45.0</i>	
+	Mua bồn trữ nước tại xã Vĩnh Ô	UBND xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	45.0	45.0			45.0	
II	Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư những nơi cần thiết			92.0	92.0			92.0	
+	Dự án bố trí ổn định dân cư tại thôn Mít xã Vĩnh Ô; HM: mua bồn trữ nước	UBND xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	92.0	92.0			92.0	
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, phát huy tiềm năng thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị			521.0	417.0		104.0	417.0	
1	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân</i>			<i>22.0</i>	<i>22.0</i>			<i>22.0</i>	
+	Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng tổ cộng đồng và hộ gia đình tại xã Vĩnh Hà	Phòng NN&PTNT	Xã Vĩnh Hà	22.0	22.0			22.0	
2	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>			<i>499.0</i>	<i>395.0</i>		<i>104.0</i>	<i>395.0</i>	
+	Dự án “Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cộng đồng cho các hộ nghèo các thôn đặc biệt khó khăn của 3 xã Vĩnh Ô, Vĩnh Hà, Vĩnh Khê”	Phòng NN&PTNT	Xã Vĩnh Ô, Vĩnh Hà, Vĩnh Khê	<i>499.0</i>	<i>395.0</i>		<i>104.0</i>	<i>395.0</i>	

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó			Số kinh phí được phân bổ	Ghi chú
					NSTW	NS huyện	Dân đóng góp		
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN và các đơn vị sự nghiệp công lĩnh vực dân tộc			258.0	258.0			258.0	
1	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>			258.0	258.0			258.0	
+	Duy tu, bảo dưỡng đường giao thông thôn Lèn, xã Vĩnh Ô	UBND xã Vĩnh Ô	Thôn Lèn	171.0	171.0			171.0	
+	Duy tu, bảo dưỡng đường nội thôn Xung Phong, xã Vĩnh Khê	UBND xã Vĩnh Khê	Thôn Xung Phong	26.0	26.0			26.0	
+	Duy tu, bảo dưỡng nhà văn hóa thôn Khe Hó Trù, xã Vĩnh Hà	UBND xã Vĩnh Hà	Thôn Khe Hó Trù	61.0	61.0			61.0	
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực			507.0	507.0			507.0	
1	<i>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số</i>			98.0	98.0			98.0	
+	Hỗ trợ mua sắm thiết bị cho trường PTDTBT TH Vĩnh Ô	Phòng GD&ĐT	Xã Vĩnh Ô	58.0	58.0			58.0	
+	Hỗ trợ mua sắm thiết bị cho trường PTDTBT TH Vĩnh Khê	Phòng GD&ĐT	Xã Vĩnh Khê	40.0	40.0			40.0	
2	<i>Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.</i>			349.0	349.0			349.0	
+	Hỗ trợ đào tạo nghề kỹ thuật xây dựng (kỹ thuật nề)	Phòng LĐTB&XH	Xã Vĩnh Ô	141.6	141.6			141.6	
+	Hỗ trợ đào tạo nghề may công nghiệp	Phòng LĐTB&XH	Xã Vĩnh Ô	64.8	64.8			64.8	
+	Hỗ trợ đào tạo nghề kỹ thuật nuôi, phòng trị bệnh cho trâu/bò/dê	Phòng LĐTB&XH	Xã Vĩnh Ô	58.0	58.0			58.0	
+	Hỗ trợ đào tạo nghề kỹ thuật trồng, chăm sóc, khai thác cây cao su	Phòng LĐTB&XH	Xã Vĩnh Ô	23.0	23.0			23.0	

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó			Số kinh phí được phân bổ	Ghi chú
					NSTW	NS huyện	Dân đóng góp		
+	Hỗ trợ đào tạo nghề kỹ thuật nuôi, phòng trị bệnh cho lợn	Phòng LĐT&XH	Xã Vĩnh Khê	29.0	29.0			29.0	
+	Hỗ trợ đào tạo nghề kỹ thuật trồng nấm rơm/sò/linh chi	Phòng LĐT&XH	Xã Vĩnh Khê	23.0	23.0			23.0	
+	Hội nghị tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp	Phòng LĐT&XH	Xã Vĩnh Ô	9.6	9.6			9.6	
3	<i>Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp</i>			60.0	60.0			60.0	
+	Tập huấn nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ cho cán bộ thôn, xã, người có uy tín trong cộng đồng.	Phòng Nội vụ	Xã Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà	30.0	30.0			30.0	
+	Tập huấn cho cán bộ triển khai chương trình cấp xã	Phòng Nội vụ	xã Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà	30.0	30.0			30.0	
VI	Dự án 6: bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch			182.0	182.0			182.0	
+	Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số rất ít người	Phòng VH&TT	Vĩnh Ô; Vĩnh Khê; Vĩnh Hà	91.0	91.0			91.0	
+	Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số	Phòng VH&TT	Vĩnh Ô; Vĩnh Khê; Vĩnh Hà	91.0	91.0			91.0	
VII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em			126.0	126.0			126.0	
+	Tuyên truyền, vận động thay đổi nếp nghĩ, cách làm góp phần xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng	Hội LHPN huyện	xã Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà	30.0	30.0			30.0	
+	Xây dựng mô hình địa chỉ tin cậy cộng đồng hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực gia đình tại xã Vĩnh Ô	Hội LHPN huyện	xã Vĩnh Ô	11.0	11.0			11.0	
+	Phát triển và nhân rộng mô hình tiết kiệm và tín dụng tự quản	Hội LHPN huyện	xã Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà	60.0	60.0			60.0	
+	Tổ chức tập huấn trang bị kiến thức về bình đẳng giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị	Hội LHPN huyện	Xã Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà	25.0	25.0			25.0	

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó			Số kinh phí được phân bổ	Ghi chú
					NSTW	NS huyện	Dân đóng góp		
VIII	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm DTTS còn nhiều khó khăn			450.0	450.0			450.0	
1	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù</i>			380.0	380.0			380.0	
+	Hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn phát triển sản xuất thông qua vay vốn tín dụng chính sách.	NH CSXH chi nhánh huyện Vĩnh Linh	Xã Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà	380.0	380.0			380.0	
2	<i>Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</i>			70.0	70.0			70.0	
+	Tổ chức tập huấn hướng dẫn xây dựng quy ước thôn không có tảo hôn tại 3 xã Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà	Phòng ĐTB&XH	xã Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà	70.0	70.0			70.0	
IX	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện các Chương trình			48.0	48.0			48.0	
1	<i>Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030</i>			31.0	31.0			31.0	
+	Tổ chức Hội nghị biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán, người có uy tín lồng ghép truyền thông CT MTQG phát triển KT-XH vùng ĐBDTTS & MN tại xã Vĩnh Ô	UBND xã Vĩnh Ô	Xã Vĩnh Ô	11.0	11.0			11.0	

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó			Số kinh phí được phân bổ	Ghi chú
					NSTW	NS huyện	Dân đóng góp		
+	Tổ chức Hội nghị biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán, người có uy tín lồng ghép truyền thông CT MTQG phát triển KT-XH vùng ĐBDTTS & MN tại xã Vĩnh Khê	UBND xã Vĩnh Khê	Xã Vĩnh Khê	10.0	10.0			10.0	
+	Tổ chức chuyên đề trợ giúp pháp lý điểm kết nối cộng đồng	UBND xã Vĩnh Hà	Xã Vĩnh Hà	10.0	10.0			10.0	
2	<i>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>			11.0	11.0			11.0	
+	Triển khai ứng dụng phần mềm IOC Quảng Trị nhằm thúc đẩy tiếp cận các dịch vụ công trực tuyến (các dịch vụ xã hội, thương mại điện tử)	Phòng VH&TT	Vĩnh Hà	11.0	11.0			11.0	
3	<i>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình</i>			6.0	6.0			6.0	
+	Kiểm tra, giám sát, đánh giá tổ chức thực hiện Chương trình	Phòng TC-KH	xã Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà	6.0	6.0			6.0	

Biểu phụ lục 03

**PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN ĐÓI ỨNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2022**

(Các công trình đã được bố trí trong kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch ĐTC năm 2022 tại Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 22/9/2021 và số 116/NQ-HĐND ngày 21/12/2021, số 250/NQ-HĐND ngày 08/6/2022 của HĐND huyện Vĩnh Linh)

(Kèm theo Quyết định số 3463 /QĐ-UBND ngày 17 / 10 /2022 của UBND huyện Vĩnh Linh)

Đơn vị tính: triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn GD 2021-2025	Kế hoạch vốn bố trí năm 2022	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó NSDP			
	TỔNG SỐ	8,255	8,255	8,255	8,255	
1	Sửa chữa công trình thủy lợi thôn Khe Cát, xã Vĩnh Khê	300	300	300	300	
2	Sửa chữa công trình thủy lợi thôn Mới, xã Vĩnh Khê	300	300	300	300	
3	Sửa chữa đập khe Thúc, xã Vĩnh Ô	700	700	700	700	
4	Xây dựng mới đập thủy lợi khe Mixi Xóm Mới, xã Vĩnh Ô	1,200	1,200	1,200	1,200	
5	Xây dựng mới đập thủy lợi khe Tua thôn Thúc, xã Vĩnh Ô	1,200	1,200	1,200	1,200	
6	Làm mới đường giao thông thôn Rào Trường, xã Vĩnh Hà	1,000	1,000	1,000	1,000	
7	Bê tông hóa đường nội thôn từ nhà ông Khánh đến ruộng thôn Xung Phong, xã Vĩnh Khê	250	250	250	250	
8	Xây dựng tuyến đường vào nhà ông Thông thôn Mới, xã Vĩnh Khê	250	250	250	250	
9	Bê tông hóa đường nội thôn từ đường Hồ Chí Minh đến lô cao su ông Thư thôn Xung Phong, xã Vĩnh Khê	650	650	650	650	
10	Trường MN công lập xã Vĩnh Khê (điểm trung tâm); HM: Phòng giáo dục nghệ thuật	460	460	460	460	
11	Bê tông hóa đường nội thôn từ đường Hồ Chí Minh đến nhà ông Thuận thôn Mới, xã Vĩnh Khê	110	110	110	110	
12	Bê tông hóa đường nội thôn từ đường Hồ Chí Minh đến nhà ông Khăm Tuyết, xã Vĩnh Khê	215	215	215	215	
13	Bê tông hóa đường nội thôn từ nhà ông Bằng đến nhà ông Lương, xã Vĩnh Khê	250	250	250	250	
14	Bê tông hóa đường nội thôn Xà Lồi điểm đầu tại trường mầm non, xã Vĩnh Ô	370	370	370	370	
15	Đường ra khu sản xuất thôn Xóm Mới, xã Vĩnh Ô	700	700	700	700	
16	Bê tông hóa đường ra khu sản xuất thôn Cây Tăm, xã Vĩnh Ô	300	300	300	300	